

Số: /BC-UBND

Nghĩa Thương, ngày 14 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO

**Về việc khảo sát, thu thập số liệu về công trình, tổ chức quản lý,
khai thác công trình thủy lợi, thủy lợi nội đồng**

Thực hiện nội dung Công văn số 899/UBND ngày 03 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa về việc khảo sát, thu thập số liệu về công trình, tổ chức, quản lý, khai thác Công trình thủy lợi nội đồng.

UBND xã Nghĩa Thương khảo sát, báo cáo số liệu, công trình, tình trạng sử dụng thực tế trên địa bàn xã Nghĩa Thương, gồm các phụ lục 01 và phụ lục 2 đính kèm.

Kính gửi Phòng NN &MT huyện Tư Nghĩa biết và tổng hợp ./.

Nơi nhận

- PNN&MT huyện;
- CT, PCT UBND xã;
- Các HTXNN;
- Lưu: VT./.

TM. UBND XÃ NGHĨA THƯƠNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Phú Trang

Phụ lục 1
THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NHỎ,
THỦY LỢI NỘI ĐỒNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH
SÁCH TRONG LĨNH VỰC THỦY LỢI

(Kèm theo Công văn số 899 /UBND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của UBND huyện)

I. Hiện trạng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng

1. Bảng thống kê số lượng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn

Ghi chú: *Cung cấp danh mục CTTL nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn theo phân loại như trên*

TT	Loại công trình	Đơn vị tính	Số lượng	Trong đó số lượng theo đơn vị quản lý		Ghi chú
				Tổ chức TLCS	Khác (Ghi rõ)	
I	HỆ THỐNG TIÊU, THOÁT NƯỚC, TƯỚI TIÊU KẾT HỢP					
1	Kênh mương thủy lợi có lưu lượng dưới 1,5 m ³ /s hoặc chiều rộng đáy kênh dưới 3 m	km	16	HTX		
-	<i>Đã kiên cố</i>	<i>km</i>	5,2	HTX		
-	<i>Chưa kiên cố</i>	<i>km</i>	10,8	HTX		
II	HỆ THỐNG CẤP, TƯỚI NƯỚC					
1	Kênh mương thủy lợi có lưu lượng dưới 0,5 m ³ /s hoặc chiều rộng đáy kênh dưới 0,5 m	Km	37,8	HTX		
-	<i>Đã kiên cố</i>	<i>km</i>	21,1	HTX		
-	<i>Chưa kiên cố</i>	<i>km</i>	16,7	HTX		

2. Đánh giá hiện trạng hoạt động của các công trình thủy lợi nhỏ, nội đồng do các Tổ chức thủy lợi cơ sở trực tiếp quản lý:

Đảm bảo

3. Đánh giá hiện trạng đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa, hoàn chỉnh hệ thống TLND (Chủ thể đầu tư, sự tham gia của người dân và cộng đồng, các thành phần kinh tế, nguồn vốn hỗ trợ...):

Tốt

4. Đánh giá những tồn tại, khó khăn trong đầu tư xây dựng, bảo trì công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng

- Kênh chưa kiên cố ảnh hưởng dòng chảy
- Kinh phí đầu tư chậm, bảo trì không có

PHỤ LỤC 2
THÔNG TIN VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG
TRÌNH THỦY LỢI NHỎ, THỦY LỢI NỘI ĐỒNG TẠI CÁC CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ CẤP XÃ

(Kèm theo Công văn số 899 /UBND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của UBND huyện)

I. Thực trạng quản lý khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn

1. Loại hình

TT	Loại hình đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng	Số lượng
I	Tổ chức thủy lợi cơ sở	
1.1	Hợp tác xã	
-	HTX đa dịch vụ (trong đó có dịch vụ thủy lợi)	01
-	HTX chỉ có 01 dịch vụ thủy lợi	02
1.2	Tổ hợp tác	
1.3	Ủy ban nhân dân xã	
-	UBND xã trực tiếp quản lý	01
-	BQL (Thủy nông hoặc thủy lợi xã) trực thuộc UBND xã	01
-	Tổ/đội thủy nông trực thuộc UBND xã	

2. Tổ chức và hoạt động

* Nhân lực, trình độ của cán bộ quản lý, vận hành của các tổ chức TLCS:

	Tổng	Trong đó	Số	Tỷ lệ

		số (Người)						người đã có chứng chỉ/ch ứng nhận học lớp quản lý ATĐ hoặc quản lý, khai thác CTTL	người sử dụng nước là thành viên của TCTL CS
			Đ H	C Đ	T C	S C	TH PT trở xuống		
I	Hợp tác xã								
1	HTX hoạt động đa dịch vụ, trong đó có dịch vụ thủy lợi	21	1	2	5	3	11		
2	HTX chỉ làm dịch vụ thủy lợi								
II	Tổ hợp tác								
II I	Ủy ban nhân dân xã								
1	UBND xã trực tiếp quản lý	1	1						
2	BQL (Thủy nông hoặc thủy lợi xã) trực thuộc UBND xã	1	1						
3	Tổ/đội thủy nông trực thuộc UBND xã								
	Tổng cộng								

* Tổ chức bộ máy

- Hợp tác xã

.....

.....

- Tổ hợp tác

.....

.....

- UBND xã

.....

.....

* Hoạt động của các tổ chức thủy lợi cơ sở

- Phương thức hoạt động: Giao nhiệm vụ/đặt hàng? Một dịch vụ hay đa dịch vụ (gồm những dịch vụ gì)?

.....
.....

- Lập và thực hiện kế hoạch sản xuất/ kế hoạch bảo trì như thế nào?

.....
.....

- Việc thực hiện phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh

.....
.....

* Tài sản, Tài chính

- Tình hình chuyên giao, thu hồi quyền quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ở địa phương:

.....
.....

- Tình hình phân bổ kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (viết tắt là tiền SDSPDVCITL):

Năm	Tổng kinh phí hỗ trợ tiền SDSPDVCITL của cả tỉnh (Tr.đồng)	Trong đó		Số lượng TCTLCS được nhận kinh phí hỗ trợ tiền SDSPDVCITL (tổ chức)
		Cấp cho huyện (Tr.đồng)	Cấp cho tổ chức TLCS (Tr.đồng)	
Năm 2023			569.572	
Năm 2024			569.572	
Tổng cộng			1.139.144	

- Cách xác định Giá đặt hàng (trong trường hợp đặt hàng) hoặc kinh phí giao nhiệm vụ cho tổ chức thủy lợi cơ sở:

.....
.....

- Phương thức cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các tổ chức thủy lợi cơ sở;

.....
.....

- Cơ cấu các nội dung chi đối với nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các tổ chức thủy lợi cơ sở

Quản lý, nạo vét kênh mương

- Tình hình thu/chi kinh phí thủy lợi nội đồng:

+ Mức thu: 240.000 đồng/ha/vụ.

+ Tỷ lệ thu được: 80%

+ Cơ cấu các khoản chi: nạo vét công trình thủy lợi

- Nguồn thu từ các dịch vụ khác (nếu có):

.....
* Tình hình phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi

- Cung cấp quyết định:

- Quy mô thủy lợi nội đồng:

II. Các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện:

1. Phân cấp

.....
2. KIỆN TOÀN TỔ CHỨC THỦY LỢI CƠ SỞ:

.....
3. Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi:

.....
4. Thu kinh phí thủy lợi nội đồng:

.....
5. Khác (nếu có):

.....
III. Đề xuất, kiến nghị:

Cấp kinh phí kịp thời

Tăng giá dịch vụ công trình thủy lợi